UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1137 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 235/BC-SXD ngày 14/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô quy hoạch

a) Vị trí, phạm vi ranh giới: theo địa giới hành chính của huyện Lộc Bình, với tổng diện tích tự nhiên là 98.643 ha với cận giới như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Cao Lộc và giáp đường biên giới Việt - Trung;

- Phía Nam giáp huyện Đình Lập và tỉnh Bắc Giang;

- Phía Đông giáp huyện Đình Lập;

- Phía Tây giáp huyện Chi Lăng.

b) Quy mô, thời hạn lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích: 98.643 ha.

- Thời hạn lập quy hoạch: giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2040; tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, phát huy tiềm năng và lợi thế của huyện Lộc Bình, nâng cao vai trò, vị trí chiến lược của huyện, tăng cường hợp tác với các địa phương khác trong tỉnh và nước bạn, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, phát triển văn hóa – xã hội, quốc phòng an ninh vững chắc; khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, phát huy sức mạnh tổng hợp, các thế mạnh, tiềm năng và lợi thế của vùng đảm bảo phát triển hài hòa bền vững giữa đô thị và nông thôn;

- Thiết lập các vùng kinh tế động lực, hình thành phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn, phát triển không gian cho các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp, du lịch, logistics...; tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn;

- Làm cơ sở để lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, định hướng đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, thu hút các dự án đầu tư trên địa bàn.

4. Tính chất

- Là vùng đô thị, nông thôn đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thích nghi biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững;

- Là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh và cấp vùng về kinh tế, công nghiệp, năng lượng, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Đông Nam của tỉnh; vùng kinh tế nông lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế biên mậu thông qua cửa khẩu Chi Ma; vùng huyện có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền biên giới, an ninh quốc gia.

5. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

a) Kinh tế xã hội:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế chủ yếu khoảng (7-9) %/năm.

- Tỷ trọng các ngành kinh tế chủ yếu: tỷ trọng các ngành kinh tế chủ yếu trong tổng giá trị sản xuất đến năm 2025 như sau: công nghiệp - xây dựng chiếm 64,38%, nông lâm thủy sản chiếm 20,21%, dịch vụ chiếm 15,41%; đến năm 2030 tương ứng là: 62,62%, 14,15%, 23,23%;

b) Dự báo quy mô dân số:

- Dân số thường trú đến năm 2030 khoảng 115.000-124.000 người; dân số quy đổi khoảng 15.000 – 16.000 người;

- Dân số thường trú đến năm 2040 khoảng 150.000-178.000 người; dân số

quy đổi khoảng 60.000 – 82.000 người.

c) Dự báo quy mô đất đai:

- Đến năm 2030 đất xây dựng đô thị khoảng 750 -1.000 ha, đất xây dựng nông thôn khoảng 1.900 – 2.200 ha; đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 1.500 - 2.000ha;

- Đến năm 2040 đất xây dựng đô thị khoảng 2.900 – 3.200 ha, đất xây dựng nông thôn khoảng 2.800 – 3.400 ha; đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 2.200 - 2.500ha;

d) Tỷ lệ đô thị hóa:

- Tỷ lệ đô thị hóa hiện trạng năm 2021 khoảng: 22,8%; đến năm 2030 khoảng: 30-40%;

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2040 khoảng 50-70% (đảm bảo yêu cầu thành lập thị xã Lộc Bình, là đô thị loại IV).

(Dự báo các chỉ tiêu sẽ được cụ thể hoá trong quá trình khảo sát đánh giá hiện trạng và nghiên cứu quy hoạch xây dựng vùng huyện).

6. Nội dung nghiên cứu quy hoạch

a) Đánh giá thực trạng phát triển vùng huyện

- Điều tra khảo sát, phân tích các điều kiện tự nhiên và hiện trạng, rà soát các quy hoạch, đồ án có liên quan; đánh giá tổng hợp theo phương pháp SWOT.

- Rà soát đánh giá việc thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành, lĩnh vực khác được phê duyệt.

- Phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, khí hậu, thủy văn: đặc điểm địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa chất tài nguyên, địa chấn.

- Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội khu vực lập quy hoạch.

b) Dự báo phát triển vùng

- Vị trí và các quan hệ vùng: xác định vai trò và vị thế; cơ hội và thách thức của vùng Cao Lộc - Lộc Bình - Đình Lập trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của vùng tỉnh Lạng Sơn, tuyến hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Làm rõ các yếu tố mang tính động lực, yếu tố mới được xác định do việc nâng cấp và rộng tuyến đường Quốc lộ 4B, đoạn huyết mạch kết nối hai tỉnh Lạng Sơn - Quảng Ninh đối với khu vực nghiên cứu quy hoạch.

- Tính chất: nghiên cứu làm rõ các tính chất, chức năng của vùng trên cơ sở các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chủ trương chính sách của nhà nước và của tỉnh làm cơ sở nghiên cứu các chiến lược và giải pháp.

- Kinh tế - xã hội: phân tích đánh giá các chỉ tiêu phát triển theo các dự báo phát triển của địa phương và của vùng, làm cơ sở phân tích các tính chất, chỉ tiêu cụ thể trong phương án quy hoạch.

- Dân số - lao động: trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của vùng huyện xác định cơ cấu dân số, lao động trong các giai đoạn phát triển.

- Nhu cầu đất đai: trên cơ sở dự báo dân số, lao động, chỉ tiêu kinh tế - xã hội và các yêu cầu khác, xác định cơ cấu, nhu cầu sử dụng đất đai.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: nêu các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng và các tiêu chuẩn, quy phạm liên quan để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho đồ án.

c) Định hướng phát triển không gian vùng

- Định hướng chung: cấu trúc không gian vùng dự kiến theo mô hình hành lang phát triển cùng các trung tâm là thị trấn Lộc Bình, thị trấn Na Dương, đô thị cửa khẩu Chi Ma mở rộng, có các tiểu vùng phát triển gắn với trung tâm của các cụm xã, cụ thể:

+ Hành lang phát triển là đường Quốc lộ 4B nối kết qua thị trấn Lộc Bình, thị trấn Na Dương;

+ Trung tâm phát triển là thị trấn Lộc Bình mở rộng về hướng Nam và thị trấn Na Dương về phía Bắc để đảm bảo quy mô diện tích, dân số trong tương lai hình thành khu vực nội thị của đô thị loại IV;

+ Trung tâm tiểu vùng đô thị cửa khẩu Chi Ma; tiểu vùng Khánh Xuân gắn với Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn; tiểu vùng Hữu Lân, Sàn Viên;

+ Các vùng sản xuất hàng hóa nông lâm nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, trồng cây đặc hữu, chăn nuôi quy mô công nghiệp.

- Sơ bộ định hướng phát triển không gian, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, các khu chức năng đặc thù:

Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng. Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển; phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù, cụ thể:

+ Vùng trung tâm: gồm thị trấn Lộc Bình, thị trấn Na Dương hiện trạng và một phần các xã lân cận thị trấn: xã Hữu Khánh, Đông Quan, Lợi Bác, Sàn Viên, Đồng Bục và Tú Đoạn là đô thị dịch vụ có chức năng phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp, các ngành dịch vụ mới;

+ Vùng cửa khẩu: đô thị cửa khẩu Chi Ma mở rộng, xã Yên Khoái là đô thị dịch vụ có chức năng tập kết trung chuyển hàng hoá qua biên giới, dịch vụ cửa khẩu, logistics, xuất nhập khẩu;

+ Vùng phía Bắc thuộc khu du lịch Quốc gia Mẫu Sơn: gồm xã Khánh Xuân, là đô thị dịch vụ có chức năng phát triển dịch vụ du lịch, khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với làng bản địa;

+ Vùng miền núi: gồm các xã: Ái Quốc, Hữu Lân, Khuất Xá, Mẫu Sơn, Minh Hiệp, Nam Quan, Tam Gia, Thống Nhất, Tĩnh Bắc, Tú Mịch và Xuân Dương là vùng tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, phát triển lâm nghiệp, bảo vệ rừng phòng hộ để duy trì nguồn nước, thâm canh rừng sản xuất kết hợp với các loại cây gỗ quý bản địa, trồng các loại cây dược liệu dưới tán rừng có giá trị kinh tế cao. Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến. Các sản phẩm nông lâm nghiệp đạt tiêu chuẩn

sản phẩm OCOP.

Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn: Mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng, cụ thể:

+ Phân vùng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn;

+ Định hướng vị trí, quy mô và tính chất các đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính;

+ Mô hình tổ chức các điểm dân cư nông thôn.

- Định hướng phát triển hạ tầng xã hội: phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn quy hoạch: lựa chọn các chỉ tiêu về sử dụng đất theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu vực đặc thù trên cơ sở tính toán, xác định cụ thể theo luận cứ và tham khảo, cập nhật số liệu của các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị, nông thôn, công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp... theo các giai đoạn lập quy hoạch.

d) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Căn cứ các nghiên cứu về khí hậu, thủy văn, nghiên cứu việc san nền cho từng khu vực đặc thù để phát triển kinh tế xã hội, vẫn đảm bảo tôn trọng địa hình đảm bảo các yêu cầu đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết số 30-NQ/TU về "Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 -2030...).

+ Đánh giá, xác định các loại đất thuộc phạm vi nghiên cứu theo điều kiện tự nhiên và phân loại thuận lợi, ít thuận lợi hay không thuận lợi cho xây dựng. Từ đó xác định cao độ xây dựng khống chế cho từng khu vực và cao độ các tuyến giao thông đối ngoại và các trục đường chính đô thị theo tiêu chí đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

+ Đề xuất các yêu cầu khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, từ đó xác định khu vực, khối lượng cần tôn nền và hạ nền. Đề xuất các giải pháp thiết kế cao độ nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn.

+ Xác định các lưu vực thoát nước mặt chính ra kênh, rạch và hệ thống cống thoát nước mặt chính. Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến thiên nhiên, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thuỷ lợi đầu mối, đập..., cung cấp nước cho sinh hoạt công nghiệp, nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu thoát lũ trong vùng đặc biệt là khu vực ven sông Kỳ Cùng.

+ Nêu các yêu cầu về giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác... Yêu cầu giải pháp kỹ thuật cho các khu vực giáp ranh giữa phát triển mới và hiện trạng tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu.

- Định hướng giao thông:

+ Rà soát các tuyến đường đang được nghiên cứu chuẩn bị đầu tư theo quy hoạch giao thông, các tuyến đường kết nối khu vực của huyện như: Quốc lộ 4B, tỉnh lộ 237, ĐH.30, ĐH.31, ĐH.32, ĐH.33, ĐH.34, ĐH.35, ĐH.36, ĐH.37; Tuyến tránh Quốc lộ 4B đoạn qua thị trấn Lộc Bình…

+ Xác định trục giao thông đối ngoại quan trọng kết nối huyện Lộc Bình với các vùng, các khu vực và trung tâm lân cận.

+ Phân tích mô hình phát triển mạng lưới giao thông, tổ chức, phân loại, phân cấp các tuyến giao thông đô thị, đảm bảo kết nối với các tuyến giao thông đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu vực và tuân thủ theo quy hoạch phát triển giao thông toàn tỉnh, chiến lược phát triển giao thông quốc gia. Xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật (nếu có).

+ Xác định vị trí, quy mô, số lượng các công trình giao thông như bãi đỗ xe chính và phụ, cầu cống đường bộ... Thiết kế mặt cắt ngang các loại đường cải tạo, xây dựng mới. Xác định hệ thống chỉ tiêu kinh tế về quỹ đất giao thông và các chỉ tiêu kỹ thuật về tuyến đường áp dụng;

- Định hướng cấp nước:

+ Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước các đô thị và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Lộc Bình trên cơ sở trữ lượng và chất lượng các nguồn nước mặt, nước ngầm trên địa bàn huyện trong đó có tính đến nhu cầu dùng nước cho khu vực phát triển nông, lâm nghiệp.

+ Lựa chọn nguồn nước sử dụng cho các giai đoạn phát triển khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Lộc Bình, trong đó ưu tiên chiến lược cấp nước sạch theo hướng khai thác sử dụng nguồn nước mặt. Nghiên cứu xây dựng thêm nhà máy nước sạch (nếu cần) để phục vụ cho phát triển đô thị và toàn huyện; triển khai xây dựng hồ cấp nước sản xuất, sinh hoạt tập trung cho các xã vùng cao.

+ Đề xuất các giải pháp bảo vệ các nguồn nước, phạm vi bảo vệ nguồn nước và các nhà máy xử lý; xác định các nguồn nước có giá trị cần bảo tồn, nguồn nước dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.

- Định hướng cấp điện:

+ Xác định chỉ tiêu cấp điện và dự báo nhu cầu sử dụng điện cho toàn đô thị.

+ Cải tạo, xây dựng mới các trạm biến áp của hệ thông lưới điện hạ áp cho khu vực thị trấn và các xã khi nhu cầu phụ tải ngày càng cao giai đoạn 2021-2030; 2030-2040.

+ Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp nguồn các giai

đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện, tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Lộc Bình. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Định hướng thông tin liên lạc:

+ Xác định chỉ tiêu và dự báo nhu cầu sử dụng thhông tin liên lạc cho toàn đô thị.

+ Cân đối nhu cầu thuê bao với khả năng cung cấp, đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối, tổ chức mạng đường dây, tổng đài vệ tinh và các trạm BTS cho từng giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: xác định chỉ tiêu thoát nước thải, chất thải rắn; dự báo khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang; định hướng thoát nước, thu gom, xử lý chất thải rắn và quản lý nghĩa trang.

đ) Giải pháp bảo vệ môi trường trong vùng:

- Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

- Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

e) Các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện:

- Trên cơ sở của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

- Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho huyện Lộc Bình, ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển công nghiệp đa ngành, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển đô thị dịch vụ du lịch, phát triển đầu mối HTKT cấp vùng.

- Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang.

g) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện:

- Quy định chung: xác định đối tượng áp dụng, phân công quản lý; quy định về quy mô diện tích và dân số của đô thị, nông thôn; quy định về quản lý phát triển không gian tổng thể khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực hạn chế phát triển, khu vực không được phép xây dựng; quy định về quy mô phát triển các trung tâm chuyên ngành (công nghiệp, công nghệ cao, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, sinh thái.v.v…); quy định về quy mô khu vực cần bảo tồn, các khu vực phát triển hạ tầng xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật; các quy định chủ yếu về kiểm soát phát triển và bảo vệ môi trường đô thị đối với hệ sinh thái tự

nhiên (sông, hồ, rừng, cây xanh, núi…), địa hình cảnh quan, nguồn nước.

- Quy định về tổ chức thực hiện: các quy định về tính pháp lý, kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện (lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết).

7. Thành phần và hồ sơ đồ án *(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).*

8. Dự toán chi phí: 2.501.897.000 đồng *(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).*

9. Tổ chức, kế hoạch thực hiện

a) Tổ chức thực hiện :

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Lạng Sơn.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Lộc Bình.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.

b) Kế hoạch thực hiện: tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được phê duyệt.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh